

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 28-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/11/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1957; có vợ là Vũ Thị L2, sinh năm 1983; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPHC ngày 15/4/2022 của Công an thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn T 30.750.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; điều khiển phương tiện tàu thủy không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn; sử dụng phương tiện tàu thủy không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; mua bán hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ. Ngày 18/4/2022 Nguyễn Văn T đã thi hành khoản tiền phạt trên (chưa

hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính); nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/4/2023; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Nguyễn Văn T mua tàu xi măng vỏ bằng bê tông cốt thép ghi số hiệu HP 2288 của người tên T1 ở L, huyện A (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá tiền 200.000.000 đồng, có giấy viết tay nhưng đã mất; tàu không có biển kiểm soát, không có đăng ký, đăng kiểm; trên tàu có gắn thêm thiết bị bơm hút cát và 02 sàng lọc đều đã qua sử dụng để sử dụng vào khai thác khoáng sản (cát đen) bán kiếm lời. Sáng ngày 22/02/2023, T gọi điện thoại thuê Nguyễn Văn Đ (anh trai T) đi khai thác cát trái phép với giá tiền công là 300.000 đồng/01 đêm. Đ đồng ý, đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T, Đ cùng đến khu vực tàu neo đậu tại khu vực bờ sông V thuộc địa bàn xã T1, huyện T. T điều khiển tàu đi chậm dọc theo T1 sông V về phía phà D để Đ vận hành máy hút cát bằng phương pháp hút rùa qua 02 vòi có đầu rùa được thả xuống sông, tàu vừa đi vừa hút cát dọc T1 sông thuộc địa bàn xã N, huyện K. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi T, Đ đã khai thác trái phép được 28,38 m³ cát đen thì bị Cơ quan Công an thành phố Hải Phòng phát hiện, bắt giữ.

Ngoài lần khai thác cát trái phép nêu trên, T cùng Đ đã thực hiện 03 chuyến khai thác cát trái phép tại khu vực sông V nhưng không nhớ cụ thể vị trí đã khai thác vì trời tối, mỗi chuyến khai thác được khoảng 60 m³, T bán cát cho những người có nhu cầu ngay tại khu vực tàu neo đậu. Tổng số tiền bán cát của 03 chuyến được 6.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 15/4/2022, T đã bị xử phạt hành chính về hành vi khai thác cát trái phép.

Quá trình điều tra, T đã tự nguyện giao nộp 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 2.000.000 đồng là tiền thu lợi từ việc khai thác cát trái phép của các chuyến khai thác cát trước đó.

Tại chứng thư Giám định số 430/N/022023 ngày 27/02/2023 của Công ty Cổ phần Giám định - Thương mại Bảo Linh xác định hàng hóa trên tàu HP2288 là 28,38 m³ và hàng hóa tại vị trí khai thác cát trên sông V, Hải Phòng có tính chất tương đồng, là khoáng sản cát (cát đen), loại cát hạt mịn, có lẫn nhiều tạp chất dùng trong san lấp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận 28,38 m³ khoáng sản (cát đen) có giá trị 3.405.600 đồng.

Công văn số 794/STNMT-KSTNN ngày 01/3/2023 và Công văn số 1102 ngày 16/3/2023 của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng xác định: Hiện Ủy ban nhân dân thành phố không cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cát làm vật liệu san lấp (Giấy phép còn hiệu lực) cho doanh nghiệp nào trên T1 sông V, đoạn từ cầu K đến bến phà D, thành phố Hải Phòng. Vị trí các đối tượng khai thác cát không nằm trong ranh giới, diện tích khu vực khai thác khoáng sản cát; vị trí này nằm trên địa bàn xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 tàu xi măng vỏ bê tông cốt thép có 01 khoang chứa đã qua sử dụng; không có biển số, có ghi HP2288 tại vị trí hai bên mạn của khoang lái; có gắn thêm các thiết bị bơm hút cát và 02 sàng lọc; vật chất là khoáng sản cát đen có lẫn nhiều tạp chất trong khoang tàu có khối lượng 28,38 m³; 02 điện thoại di động Nokia và số tiền 2.000.000 đồng do T giao nộp, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Còn 01 USB do người dân giao nộp ghi nhận hình ảnh các đối tượng đang khai thác cát trái phép được lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSKT ngày 30/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội: Sáng ngày 22/02/2023, T gọi điện thoại di động thuê Nguyễn Văn Đ (anh trai T) đi khai thác cát trái phép với giá tiền công là 300.000 đồng/01 đêm. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển tàu xi măng vỏ bằng bê tông cốt thép ghi số hiệu HP2288, không có biển kiểm soát, không có đăng ký, đăng kiểm đi chậm dọc theo T1 sông V về phía phà D để Đ vận hành máy hút cát bằng phương pháp hút rùa qua 02 vò có đầu rùa được thả xuống sông, tàu vừa đi vừa hút cát. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi T, Đ đang thực hiện hành vi khai thác cát trái phép thì bị Công an thành phố Hải Phòng phát hiện, bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn Đ khai: Anh và T là anh em ruột; sáng ngày 22/02/2023 anh nhận được cuộc gọi điện thoại của T thuê đi khai thác cát trái phép với giá tiền công là 300.000 đồng/01 đêm; anh đồng ý. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh cùng T đến khu vực neo đậu tàu tại bờ sông V thuộc địa phận xã T1, huyện T, T điều khiển tàu đi chậm dọc theo T1 sông

V về phà D để anh vận hành máy hút cát bằng phương pháp hút rùa qua 02 vòi có đầu rùa được thả xuống sông. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh cùng T đang thực hiện hành vi khai thác cát trái phép tại khu vực xã N, huyện K thì bị Công an thành phố Hải Phòng phát hiện, bắt giữ. Tiền công anh chưa được T trả, đây là lần đầu tiên anh tham gia cùng T khai thác cát trái phép bị bắt giữ. Ngoài ra anh khẳng định không tham gia cùng T khai thác cát trái phép 03 lần trước như T khai báo là không đúng sự thật. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Sau quá trình xét hỏi, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu 01 tàu xi măng vỏ bê tông cốt thép trọng tải 98 tấn, có 01 khoang chứa hàng, có gắn thêm các thiết bị bơm hút cát và 02 sàng lọc đã qua sử dụng, không có biển số, có ghi HP2288 tại vị trí hai bên mạn của khoang lái, không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tại khoang chứa của tàu có 28,38 m³ cát đen lẫn nhiều tạp chất, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số IMEI 353120114294340; đều là công cụ, phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu ghi xám, số IMEI 357341088902462 vì không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, biên bản ghi nhận vụ việc; biên bản kiểm tra phương tiện, vật chứng thu giữ, chứng thư giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/02/2023, Nguyễn Văn T không được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên nhưng vẫn điều khiển tàu xi măng vỏ bê tông cốt thép tiến hành khai thác tài nguyên (cát đen) trái phép tại khu vực sông V thuộc địa phận xã N, huyện K với tổng khối lượng cát đen là 28,38 m³ có giá trị là: 3.405.600 đồng bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Hành vi của Nguyễn Văn T đã vi phạm quy định tại Điều 4 Luật khoáng sản “Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép”. Nguyễn Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác tài nguyên (cát) trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi khai thác tài nguyên (cát) trái phép để thu lợi bất chính. Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn T đã thỏa mãn cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy Việt Nam. Cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận, có bố vợ tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo T là lao động tự do, thu nhập kinh tế không ổn định, tại phiên tòa Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 tàu xi măng vỏ bê tông cốt thép trọng tải 98 tấn, có 01 khoang chứa hàng, có gắn thêm thiết bị bơm hút cát và 02 sàng lọc đều qua sử dụng, không có biển số, có ghi HP2288 tại vị trí hai bên mạn của khoang lái, không có giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; tại khoang chứa của tàu có 28,38 m³ khối lượng cát đen lẫn nhiều tạp chất, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số IMEI 353120114294430; đều là công cụ, phương tiện dùng vào khai thác trái phép tài nguyên; cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Về số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu ghi xám số IMEI: 357341088902462 do bị cáo tự nguyện giao nộp tại Cơ quan điều tra, nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội; cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Trong vụ án này, Nguyễn Văn T sử dụng phương tiện thủy không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo quy định; điều khiển phương tiện thủy không có chứng chỉ chuyên môn theo quy định. Nguyễn Văn Đ có hành vi khai thác cát trái phép cùng T ngày 22/02/2023, giá trị khối lượng cát khai thác là 3.405.600 đồng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhân thân Đ chưa có tiền án về tội này, ngày 01/4/2020 Đ bị xử phạt vi phạm hành chính 7.000.000 đồng về hành vi khai thác cát trái phép, ngày 07/4/2020 Đ đã thi hành xong số tiền phạt hành chính trên (đã được xóa) nên hành vi khai thác cát trái phép ngày 22/02/2023 không cấu thành tội phạm; Cơ quan điều tra Công an huyện K đã chuyển Ủy ban nhân dân huyện K quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T, Đ là phù hợp.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn khai nhận cùng với Nguyễn Văn Đ đã 03 lần khai thác cát trái phép tại khu vực sông V mỗi lần được khoảng 60 m³ bán cho những người có nhu cầu được tổng số tiền 6.000.000 đồng, nhưng T không nhớ cụ thể vị trí đã khai thác cát cũng như địa chỉ tên tuổi của những người mua cát và chưa bị phát hiện xử lý hành chính. Đ không thừa nhận đã 03 lần khai thác cát trái phép trước ngày 22/02/2023 như T khai. Nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Căn cứ vào Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 01 tàu thủy xi măng vỏ bê tông cốt thép trọng tải 98 tấn, có 01 khoang chứa hàng, không biển số, có ghi HP2288 tại vị trí hai bên mạn của khoang lái, có gắn thêm các thiết bị bơm hút cát và 02 sàng lọc; 28,38 m³ khối cát đen lẫn nhiều tạp chất tại khoang chứa của tàu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số IMEI 353120114294430 để sung công quỹ Nhà nước (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2023 và ngày 27/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) (Theo ủy nhiệm chi tại kho bạc Nhà nước huyện K ngày 18/7/2023) và 01 điện thoại Nokia màu ghi xám số IMEI 357341088902462 (Theo biên bản giao nhận vật

chứng ngày 01/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K); nhưng tạm giữ số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L2 phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA hình sự + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND thị trấn T, huyện T, HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền